TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/3/2021.

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Trúc**.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Nguyễn Văn Ngư.**
2. Ông **Lâm Ngọc Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Loan Em**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Võ Văn Thuận**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 304/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2020 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 24/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Khâu Thị T**, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Chổ ở hiện nay: 1070/29, khóm B, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 02/12/2020, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Khâu Thị T trình bày:

Chị và anh H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/7/2014; chị và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Phương Trúc L, sinh ngày 27/10/2012. Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên không còn chung sống cho đến nay; tài sản chung, nợ chung không có.

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh H; chị yêu cầu xin nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Anh H thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con chung và mâu thuẫn vợ chồng là đúng; tài sản chung, nợ chung không có; hiện anh còn thương vợ, nên không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thấy chị Khâu Thị T và anh Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/7/2014 phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình. Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên không còn chung sống cho đến nay. Tại phiên tòa chị T cương quyết ly hôn. Mặt khác trong thời gian anh, chị không còn sống chung từ tháng 02/2020 đến nay không hàn gắn được; do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Phương Trúc L, sinh ngày 27/10/2012. Xét thấy tại biên bản về việc ghi nhận ý kiến của con ngày 24/02/2021, nguyện vọng cháu Nguyễn Phương Trúc L muốn được sống với chị T, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên chị Thiên phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tung dân sự.
- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Khâu Thị T** và anh **Nguyễn Thanh H**.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phương Trúc L, sinh ngày 27/10/2012 cho chị Khâu Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh H.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0008467 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *UBND xã N;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trúc